

Số: /GPMT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1088/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 về việc phê duyệt Báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Hải Hà tại thị trấn Hà Trung và xã Hà Phong, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Thanh Hoá;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 26/CV-SA ngày 26/11/2024 và số 2110/CV-SA ngày 21/10/2025 của Công ty TNHH Sunny Apparel và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1314/TTr-SNNMT ngày 24/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sunny Apparel, địa chỉ tại Tiểu khu 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy may xuất khẩu Sunny Apparel tại Tiểu khu 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá” với các nội dung, như sau:

1. Thông tin chung của các cơ sở

- 1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu Sunny Apparel.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Tiểu khu 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.
- 1.3. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Sunny Apparel.
- 1.4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107893123 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp đăng ký lần đầu ngày 22/06/2017, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 27/10/2020.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May mặc.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:
 - Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.
 - Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
 - Tổng diện tích: 19.270,0 m².
 - Công suất: 40.000 sản phẩm/năm.
 - Công nghệ sản xuất: Nguyên liệu → Cắt → May → Là → Kiểm soát chất lượng → Đóng gói → Nhập kho → Xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sunny Apparel

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sunny Apparel có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 04 năm 7 tháng.

(Từ ngày 15/11/2025 đến ngày 15/6/2030 theo thời hạn của Phụ lục Hợp đồng nguyên tắc cho thuê nhà, xưởng và thiết bị với Công ty TNHH công nghiệp và thương mại Hải Hà). Trường hợp Công ty TNHH Sunny Apparel tiếp tục được gia hạn Hợp đồng thuê nhà, xưởng, thiết bị và có nhu cầu gia hạn thời gian cấp giấy phép này, trước 3 tháng thời điểm hết hạn của giấy phép, Công ty TNHH Sunny Apparel có văn bản xin gia hạn (kèm theo Hợp đồng thuê nhà, xưởng và thiết bị được gia hạn) báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét, quyết định.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Hà Trung tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để theo dõi);
- UBND xã Hà Trung (để theo dõi);
- CTy TNHH Sunny Apparel (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh (hồ tiêu, hồ tiêu...), lưu lượng 25 m³/ngày.

- Nguồn 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng và nhà ăn công nhân, lưu lượng 11 m³/ngày.đêm.

Tổng khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày là 36 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực tại tiểu khu 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải:

- Vị trí xả thải: Mương thoát nước chung của khu vực tại tiểu khu 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Toạ độ vị trí xả thải tại cửa xả (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 2211358 (m); Y = 588179 (m).

-Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 36 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày.đêm xả ra mương thoát nước chung của khu vực theo phương thức tự chảy.

-Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2) đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước

thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B, Bảng 2), lưu lượng xả thải ≤ 2.000 m³/ngày (24 giờ), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Cột B, k=1,2 QCVN 14:2008 /BTNMT	QCVN 14:2025/ BTNMT (Cột B, Bảng 2)		
1	pH		5 - 9	5 - 9	Không yêu cầu	Không yêu cầu
2	Nhu cầu ôxy hoá học (COD)	mg/l	-	≤ 90		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	≤ 60		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	≤ 8		
5	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12	-		
6	Nhu cầu ôxy sinh hoá BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	≤ 35		
7	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	24	≤ 15		
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	$\leq 0,5$		
9	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	-	≤ 30		
10	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	-	$\leq 6,0$		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt/ Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	12	≤ 5		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000	≤ 5000		
13	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60	-		
14	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn trước khi dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất 40 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.
- Nguồn số 02 được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ trước khi dẫn về hệ thống xử lý tập trung công suất 40 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải của cơ sở:

- Bể tự hoại 03 ngăn: 03 bể với thể tích 10 m³/bể.
- Bể tách dầu mỡ: 01 bể với thể tích 10 m³.
- Hệ thống XLNT tập trung: 01 Hệ thống với công suất xử lý 40 m³/ngày đêm.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ của HTXLNT: Nước thải từ nguồn, qua xử lý sơ bộ → Bể gom (thể tích 6,75 m³) → Bể điều hòa (thể tích 48,1 m³) → Bể thiếu khí (thể tích 15 m³) → Bể hiếu khí (thể tích 20,25 m³) → Bể lắng sinh học (thể tích 12 m³) → Bể khử trùng (thể tích 9,1 m³) → Mương thoát nước chung khu vực.

- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày.đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B, Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ hút bùn thải tại bể tự hoại; định kỳ chuyển giao bùn thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.
- Đảm bảo vận hành các công trình thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã được xây dựng.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, đường ống công nghệ để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành và tuân thủ đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 40 m³/ngày đêm.
- Trường hợp thiết bị của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hỏng hóc và không thể vận hành, thực hiện thay thế bằng thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục sự cố.

- Trường hợp đường ống thu gom nước thải bị rò rỉ, vỡ do tác động của ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố.
- Trường hợp sự cố do vận hành, kiểm tra lại quy trình vận hành tại tất cả các công đoạn, điều chỉnh hóa chất phù hợp.
- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá giá trị giới hạn cho phép xả nước thải ra ngoài môi trường quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này, chưa thể khắc phục ngay, nước thải của dự án sẽ phải dùng xả thải để lưu chứa trong bể sự cố để tiến hành khắc phục, sửa chữa và chỉ hoạt động trở lại sau khi đã khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã thực hiện quan trắc chất thải theo khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau: đã thực hiện quan trắc 03 mẫu nước thải trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (03 mẫu nước thải đầu ra). Kết quả quan trắc, phân tích các mẫu nước cho thấy, tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3 Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Sunny Apparel có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.4. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.5. Công ty TNHH Sunny Apparel chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 02
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy thổi khí, máy bơm của trạm XLNT tập trung.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại Khu xử lý nước thải tập trung; tiểu khu 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°): X= 2211295(m); Y= 588063(m).

- Nguồn số 02: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng; tiểu khu 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°): X= 2211297(m); Y= 588065(m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	65	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2027)

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	75	70	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

-Kiểm tra định kỳ độ cân bằng của các máy móc và tình trạng mài mòn của các chi tiết đảm bảo máy vận hành ổn định, giảm tiếng ồn do sự va đập hoặc rung động không mong muốn.

-Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên vận hành máy móc, thiết bị của dự án.

-Trong khuôn viên được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực dự án, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	17
3	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	18 01 01	5
4	Giẻ lau dính dầu mỡ (Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại)	18 02 01	30
5	Dầu thải (dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải)	17 02 04	10
Tổng khối lượng		64	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Vải vụn	20.000
2	Túi nilon, vỏ bao bì đựng nguyên, phụ liệu, kim gãy,....	10.000
3	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	600
Tổng khối lượng		30.600

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
	Chất thải rắn sinh hoạt	24,0
Tổng khối lượng		24,0

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 30,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây gạch, mái lợp tôn, tường bao quanh, nền bê tông; hồ ga thu gom, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 30,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực tập kết tạm: Diện tích 30,0 m², được chia thành các ô chứa.
- Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa vào thùng đựng có nắp đậy và bao bì.
- Thùng đựng và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải thường xuyên chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý để đảm bảo công suất lưu chứa của kho lưu giữ chất thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CÔNG TY TNHH SUNNY APPAREL TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và nguy hại đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường này./.